TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 18 – 6 - 2019
"V*/v: Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Kiều Việt Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

Thư ký tòa án: Ông Trần Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019, về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.
- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Q1, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Y, xã I, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và ông Đỗ Văn Q1 tự nguyện yêu thương nhau và đến ngày 18/12/2017 chúng tôi đến UBND xã I, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi để đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Q1 không chăm lo làm ăn, thích sử dụng rượu bia. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho

đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và ông Q1 không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn đối với ông Q1.

Về con chung: Không có .

Về tài sản chung: Không có .

Về nợ chung: Không có .

***** Tại bản tự khai ngày 04 tháng 4 năm 2019 ông Đỗ Văn Q1 trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị T tự nguyện yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 18/12/2017. Trong quá trình chung, sống vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, sống không có hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu ly hôn đối với tôi, tôi không đồng ý.

Về con chung: Không có .

Về tài sản chung: Không có .

Về nợ chung: Không có .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Đỗ Văn Q1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Văn Q1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện R vào ngày 18 tháng 12 năm 2017 theo đúng qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được UBND xã I cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T ông Q1 chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng; cả hai không có sự nhường nhịn lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 mãi đến nay, phần ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Ông Q1 được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng ông Q1 không đến Tòa để tham gia hòa giải, thể hiện bản thân ông Q1 không còn tình cảm với bà T. Do đó thấy rằng, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông Q1 là có căn cứ nên việc bà T yêu cầu được ly hôn đối với ông Q1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Q1 theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên xử: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Đỗ Văn Q1.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004345, ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với ông Đỗ Văn Q1 kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại nhà, tại trụ sở UBND xã nơi cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện R;*
- *Chi cục THADS huyện R;*
- *UBND xã I;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam